Ký bởi: Ủy ban Nhân dân huyện Đức Cơ
Email: ubnddduco@gialai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Gia Lai
Ngày ký: 15-11-2021 13:36:22 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC CƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2834 /QĐ-UBND	*Đức Cơ, ngày 15 tháng 11 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc xuất ngân sách huyện bổ sung cho các đơn vị

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-UBND ngày 17/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2021 cho các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Quyết định số 1936/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2021;

Căn cứ Quyết định 2228/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt học sinh bán trú đang học tại trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản năm học 2021-2022; Căn cứ Quyết định 2229/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt học sinh bán trú đang học tại trường PTDTBT TH Lê Quý Đôn năm học 2021-2022; Căn cứ Quyết định 2230/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt học sinh bán trú đang học tại trường PTDTBT THCS Siu Blêh năm học 2021-2022; Căn cứ Quyết định 2239/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt học sinh bán trú đang học tại các trường Tiểu học, THCS công lập khác ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn năm học 2021-2022;

Xét Tờ trình số 201/TTr-PGDĐT ngày 8/11/2021 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc chi trả các chế độ học sinh, giáo viên được hưởng theo quy định ở các cơ sở giáo dục, trong học kỳ I, năm học 2021-2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xuất ngân sách huyện số tiền: **2.412.598.000 đồng** (Hai tỷ, bốn trăm mười hai triệu, năm trăm chín mươi tám ngàn đồng) từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu, số tiền **604.332.000 đồng** và nguồn cải cách tiền lương năm 2021, số tiền **1.808.266.000 đồng** cấp cho các đơn vị để thực hiện hỗ trợ tiền ăn, tiền ở, hỗ trợ tiền phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 Chính phủ về quy định chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn đặc biệt khó khăn (Có bảng phân bổ kinh phí kèm theo).

Điều 2. - Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện lập thủ tục xuất ngân sách đúng nguồn, đúng quy định.

- Các đơn vị có tên tại Điều 1 tiếp nhận kinh phí chi đúng mục đích và quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

Điều 2. - Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện lập thủ tục xuất ngân sách đúng nguồn, đúng quy định.

- Các đơn vị có tên tại Điều 1 tiếp nhận kinh phí chi đúng mục đích và quyết toán đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Thủ trưởng các đơn vị có tên tại Điều 1, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đức Cơ và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện; VP;
- Lưu VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Vũ Mạnh Định

KINH PHÍ HỖ TRỢ HỌC SINH HỌC BÁN TRÚ
HỌC TẠI TRƯỜNG PTDTBT VÀ CÁC TRƯỜNG CÔNG LẬP KHÁC HƯỞNG 4 THÁNG HK I NĂM HỌC 2021-2022
(Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2021, theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP)
(Kèm theo Quyết định số 2824/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Đồng

STT	Tên trường	Tổng số học sinh	Học sinh học tại các trường PTDT bán trú								Học sinh bán trú học tại các trường công lập khác						Tổng kinh phí thực hiện	Ghi chú
			Hỗ trợ tiền ăn			Hỗ trợ nhà ở			KP mua sắm, sửa chữa dụng cụ TDTT, văn hóa	Kinh phí lập tủ thuốc dùng chung	Hỗ trợ tiền ăn			Hỗ trợ nhà ở				
			Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ăn (40% mức lương cơ sở)/ tháng	Kinh phí	Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ở (10% mức lương cơ sở)/ tháng	Kinh phí			Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ăn (40% mức lương cơ sở)/ tháng	Kinh phí 4 tháng	Số học sinh	Mức hỗ trợ tiền ở (10% mức lương cơ sở)/ tháng	Kinh phí 4 tháng		
A	*B*	*1=2+8*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16=4+7+8 +9+12+15*	
1	Trường PTDTBT-THCS Siu Blễh	186	186	596.000	443.424.000	146	149.000	87.016.000	18.600.000	9.300.000							**558.340.000**	
2	Trường PTDTBT-TH Lê Quý Đôn	212	212	596.000	505.408.000	-	149.000	-	21.200.000	10.600.000							**537.208.000**	
3	Trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản	188	188	596.000	448.192.000	188	149.000	104.598.000	18.800.000	9.400.000							**580.990.000**	Bố trí chỗ ở được 28 em vào tháng 11 và tháng 12
4	Trường TH Trần Quốc Tuấn	24									24	596.000	57.216.000	24	149.000	14.304.000	**71.520.000**	
5	Trường TH - THCS Lương Thế Vinh	6									6	596.000	14.304.000	6	149.000	3.576.000	**17.880.000**	
6	Trường TH Nguyễn Chí Thanh	83									83	596.000	197.872.000	83	149.000	49.468.000	**247.340.000**	
7	Trường THCS Lê Lợi	74									74	596.000	176.416.000	74	149.000	44.104.000	**220.520.000**	
Tổng cộng		**773**	**586**		**1.397.024.000**	**334**		**191.614.000**	**58.600.000**	**29.300.000**	**187**		**445.808.000**	**187**		**111.452.000**	**2.233.798.000**	

KINH PHÍ TỔ CHỨC NẤU ĂN CHO HỌC SINH BÁN TRÚ TẠI CÁC TRƯỜNG PTDTBT, HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022

(Từ tháng 9 đến tháng 12 năm 2021, theo Nghị định số 116/NĐ-CP và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND tỉnh)

(Kèm theo Quyết định số: 2821/QĐ-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: Đồng

TT	Đơn vị	Tổng số học sinh được tổ chức ăn bán trú	Quy đổi mức hỗ trợ (số lần)	Kinh phí qui định 01 lần	Tổng kinh phí được hỗ trợ (4 tháng)	Ghi chú
1	Trường PTDTBT-THCS Siu Blễh	186	5	2.980.000	59.600.000	
2	Trường PTDTBT-TH Lê Quý Đôn	212	5	2.980.000	59.600.000	
3	Trường PTDTBT THCS Trần Quốc Toản	188	5	2.980.000	59.600.000	
	Tổng cộng				**178.800.000**	